双语认知

稚慧书 0-4岁

Talent Baby

天才宝贝

反义词

opposite

中国少年儿童出版社

dà xiǎo

大 / 小

lán qiú

篮 球

basketball

wǎng qiú

网 球

tennis

big & small

qǐ é

企 鹅

penguin

duō shǎo

多 / 少

shuǐ guǒ

水 果 fruit

many & few

táng guǒ

糖 果 sweet

此为试读，需要完整PDF请访问：www.ertongbook.com

cháng duǎn

长／短

dí zi

笛子 flute

kǒu qin

口琴 harmonica

long & short

bì hǔ
壁虎
gecko

shé
蛇 snake

shàng xià

上 / 下

lóu tī

楼 梯 stair

over & under

huá tī

滑 梯 slide

qián hòu

前 / 后

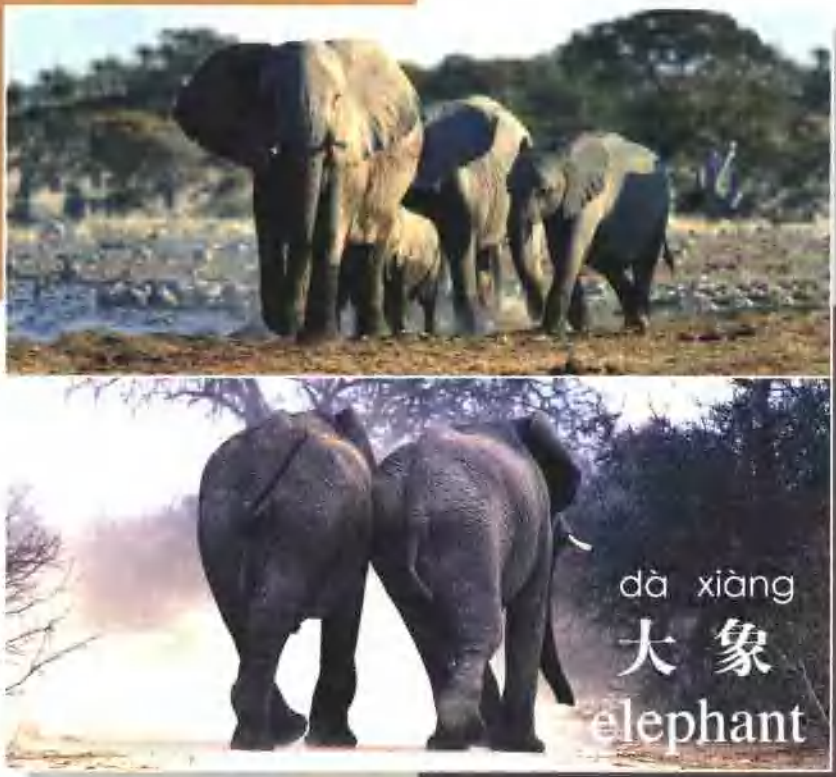

front & back

qīng wā

青 蛙 frog

此为试读，需要完整PDF请访问：www.ertongbook.com

hòu　　báo

厚 / 薄

hàn bǎo bāo

汉 堡 包

hamburger

miàn bāo

面 包

bread

thick & thin

zhǐ

纸

paper

lěng
冷
cold
nán hái
男孩 boy

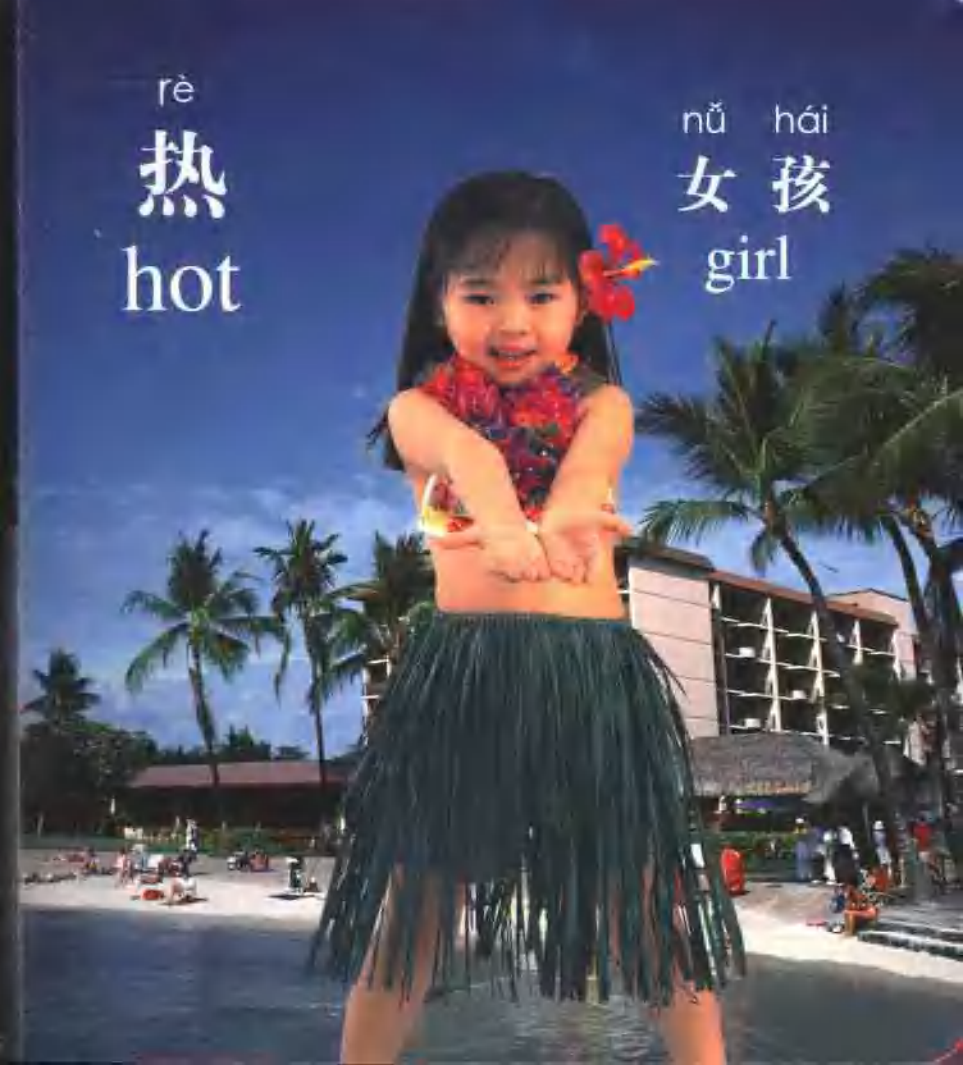
rè
热
hot
nǚ hái
女孩
girl

kuài　　màn

快 / 慢

bào

豹

leopard

guī

龟

tortoise

fast & slow

此为试读，需要完整PDF请访问：www.ertongbook.com